

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371/XMST-KHCL

V/v gửi thư mời chào giá cạnh tranh  
thông thường gói mua sắm: Mua sắm vật  
tư động cơ

Phủ Thọ, ngày 22 tháng 04 năm 2020

Kính gửi:

- Các nhà cung cấp tham gia chào giá.
- Gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ. Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư chào giá: **Trước 11 h 00', ngày 29/4/2020.**

Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 11 h 15', ngày 29/4/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Quỳnh: 0948083280

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá; ✓
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG**

**Tên gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ.**

**Bên mời chào giá: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

*Phủ Thọ, tháng 04/2020*

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG**

Tên gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ.

P. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC  
Q. Trưởng phòng



Bùi Thu Phương

Phủ Thọ, ngày 22 tháng 04 năm 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM SÔNG THAO



KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

## MỤC LỤC

|                                                             |  |
|-------------------------------------------------------------|--|
| <b>Chương I. Yêu cầu nộp báo giá.....</b>                   |  |
| <b>Chương II. Phạm vi, yêu cầu của gói mua<br/>sắm.....</b> |  |
| <b>Chương III: Biểu mẫu.....</b>                            |  |
| Mẫu số 01. Đơn chào hàng.....                               |  |
| Mẫu số 02. Biểu báo giá chi tiết .....                      |  |
| Mẫu số 03: Bản cam kết thực hiện gói mua sắm.....           |  |
| <b>Chương IV: Dự thảo hợp đồng .....</b>                    |  |



## Chương I. YÊU CẦU NỘI BỘ BÁO GIÁ

### Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời chào giá là: Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.
2. Bên mời chào giá mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh rút gọn (nội bộ giá) gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ.  
Phạm vi công việc, yêu cầu của gói mua sắm nêu tại Chương II của Thư mời chào giá này.
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ 4 đến 6 tuần kể từ ngày Bên A có công văn đặt hàng (không kể ngày nghỉ lễ, tết).

### Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nội bộ giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá: Nhà cung cấp nội bộ Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

1. Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng của Nhà cung cấp năm gần nhất theo báo cáo tài chính phải dương.
2. Nhà cung cấp có ít nhất 01 Hợp đồng đã thực hiện cung cấp thiết bị điện, hoặc bảo dưỡng thiết bị động cơ cho Nhà máy xi măng (có tài liệu chứng minh kèm theo).

*Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:*

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                    |                                                                                                                                                                                                    | Mức độ đáp ứng      |                           | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------|
| TT                                   | Mô tả                              | Yêu cầu                                                                                                                                                                                            | Đạt                 | Không đạt                 |                  |
| 1                                    | <b>Kết quả hoạt động tài chính</b> | Nội bộ báo cáo tài chính năm gần nhất để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà cung cấp.<br><br>Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm gần nhất phải dương. | Đáp ứng yêu cầu này | Không đáp ứng yêu cầu này | Mẫu số 05        |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                                  |                                                                                                                                         | Mức độ đáp ứng      |                           | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                            | Yêu cầu                                                                                                                                 | Đạt                 | Không đạt                 |                  |
| 2                                    | <b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự</b> | Số lượng tối thiểu 01 hợp đồng đã thực hiện cung cấp vật tư, thiết bị điện hoặc bảo dưỡng thiết bị động cơ cho nhà máy sản xuất xi măng | Đáp ứng yêu cầu này | Không đáp ứng yêu cầu này | Mẫu số 04        |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:**

TCDG theo tiêu chí “Đạt”, “Không Đạt”.

Nội dung đánh giá theo Mục II- Chương II- Phạm vi, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá.

#### **Mục 5. Đơn chào giá, giá chào và biểu giá**

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01 và Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh rút gọn, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 6. Thành phần Thư chào giá**

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bản cam kết về chất lượng hàng hóa, điều kiện nghiệm thu, bảo hành theo mẫu số 3- Chương III.
4. Dự thảo hợp đồng theo nội dung Chương IV;
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;



## **Mục 7. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 40 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

## **Mục 8. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

- Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- ĐT: Mr Quỳnh – 0948083280.

Thư chào giá của Nhà cung cấp phải được gửi đến Bên mời chào giá không muộn hơn 11h00 ngày 29 tháng 04 năm 2020 (thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá). Các báo giá được gửi đến bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá sẽ không được xem xét.

2. Thư chào giá của Nhà cung cấp được để trong phong bì dán kín, có niêm phong. Số lượng Thư chào giá gồm 03 bộ: 01 bộ gốc và 02 bộ sao y.

3. Mở Thư chào giá: Thư chào giá của các Nhà cung cấp sẽ được Tổ xét giá mở công khai vào hồi 11h15 ngày 29 tháng 04 năm 2020 tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

## **Mục 9. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp**

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Thư mời chào giá cạnh tranh rút gọn;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán gói mua sắm được duyệt.

## **Mục 10. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp**

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng cung cấp gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU KỸ THUẬT, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GÓI MUA SẴM

### I. Phạm vi gói mua sắm:

Nhà cung cấp phải thực hiện theo phạm vi nêu tại bảng sau:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ        | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|
| 1   | Động cơ 3kW                  | YVP100L2-4; 3kW, 3 pha<br>380V,6.8A; mô men xoắn<br>19.1N.m; IP54                                                                                                                                                                                                                             | ASIA             | Bộ  | 1  |
| 2   | Động cơ 75KW                 | Y280S-4, 75KW 100HP,<br>1480RPM, IP55                                                                                                                                                                                                                                                         | China            | Bộ  | 1  |
| 3   | Động cơ 0,75 kw + đầu<br>bơm | Động cơ: ABB M3AA090<br>S-6; 3GAA093001-<br>ASE.009; 0,75kw 380v<br>1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 131C<br>hoặc tương đương, lưu<br>lượng: 2,9 l/phút                                                                                                                                       | ABB              | bộ  | 1  |
| 4   | Động cơ 0.75kw + đầu<br>bơm  | Động cơ: ABB M3AA090<br>S-6; 3GAA093001-<br>ASE.009; 0,75kw 380v<br>1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 160C<br>hoặc tương đương<br>Lưu lượng: 5,2 l/phút                                                                                                                                        | ABB              | bộ  | 1  |
| 5   | Động cơ 2,2kW + đầu<br>bơm   | Động cơ Toshiba IK<br>FCKLAW21; Frame<br>112M-6 F S1; 2,2 kW;<br>IP55; IC411; Standard<br>JEC-2137-2000 hoặc của<br>các hãng khác tương<br>đương.<br>Bơm dầu nhãn hiệu:<br>YPD1- 2.52.5A2D2;<br>Capacity: 2.1L/Min x 2,<br>Press: 18.62 MPa (theo<br>mẫu thực tế và tài liệu<br>hãng Loesche) | Toshiba          | Bộ  | 1  |
| 6   | Động cơ 3 pha                | Động cơ 3 pha TOSHIBA<br>IK FCKLAW21 -F-S1-<br>112M-6 poles                                                                                                                                                                                                                                   | Toshiba          | Cái | 1  |
| 7   | Động cơ nạp xi 5,5kW         | Động cơ nạp xi Type:<br>Y132S-4; công suất: 5,5<br>Kw, tốc độ 1440 v/p,<br>IP=54;                                                                                                                                                                                                             | China            | Bộ  | 4  |
| 8   | Động cơ nạp xi 4 Kw          | Động cơ nạp xi Type:<br>1LA7113-4AA60; công<br>suất: 4 Kw, tốc độ 1440<br>v/p, IP=54;                                                                                                                                                                                                         | Siemens          | Bộ  | 4  |
| 9   | Động cơ 90kW                 | Kiểu: Y280M-4, 3 pha<br>90KW,1480v/ph                                                                                                                                                                                                                                                         | China            | Cái | 1  |



| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|
| 10  | Động cơ + giảm tốc            | Động cơ: Kiểu Y90L-4;<br>p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p.<br>HGT: TYPE: BWY18-29-<br>1.5KW<br>Tỷ số truyền 29<br>Tốc độ đầu vào 1390r/min<br>Công suất: 1.5KW<br>made in China; Products<br>code A-5143 | China            | Bộ  | 1  |
| 11  | Động cơ 3 pha 55kW            | Động cơ: kiểu: Y250M-4<br>Cs: 55 KW, tốc độ:<br>1480v/ph                                                                                                                                         | China            | Cái | 1  |
| 12  | Động cơ rung                  | Kiểu : YZS - 5 - 4<br>CS: 0.25 KW, Tốc độ:<br>1500v/ph.                                                                                                                                          | China            | Cái | 1  |
| 13  | Quạt làm mát động cơ<br>G80   | G80A, điện áp 380V 3<br>pha, 50Hz; công suất 42W,<br>lưu lượng gió 850M3/h;<br>1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                        | China            | Cái | 12 |
| 14  | Quạt làm mát động cơ<br>G90   | G90A, điện áp 380V,<br>50Hz; công suất 42W,<br>lưu lượng gió 500M3/h;<br>1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                              | China            | Cái | 4  |
| 15  | Quạt làm mát động cơ<br>G100A | G100A, điện áp 380V 3<br>pha, 50Hz; công suất 42W,<br>lưu lượng gió 850M3/h;<br>1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                       | China            | Cái | 4  |
| 16  | Quạt làm mát động cơ<br>G132B | G132B, điện áp 380V 3<br>pha, 50Hz; công suất 55W,<br>lưu lượng gió 880M3/h;<br>1450r/min; áp lực gió 70Pa                                                                                       | China            | Cái | 6  |
| 17  | Quạt làm mát động cơ<br>G152A | G152A, điện áp 380V,<br>50Hz; công suất 40W, lưu<br>lượng gió 780M3/h;<br>1300r/min;                                                                                                             | China            | Cái | 1  |
| 18  | Quạt làm mát động cơ<br>G160A | Quạt làm mát động cơ<br>G160A                                                                                                                                                                    |                  | Cái | 1  |
| 19  | Quạt làm mát động cơ<br>G225A | Quạt làm mát động cơ<br>G225A                                                                                                                                                                    |                  | Cái | 1  |
| 20  | Quạt làm mát động cơ          | G280A, 380V 3 pha, 50Hz                                                                                                                                                                          | China            | Cái | 2  |
| 21  | Quạt làm mát                  | MR20060- AC; 220V<br>50/60 HZ; 0.45A;                                                                                                                                                            | ORIENTAL         | Cái | 8  |
| 22  | Bơm chân không 125<br>W       | Bơm chân không 125 W                                                                                                                                                                             | ASIA             | Cái | 1  |

## II. Yêu cầu về kỹ thuật, thời gian giao hàng, tiêu chí đánh giá:

| TT | Tên vật tư, hàng hóa      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                         | Đvt | SL | Mức độ đáp ứng  |                       |
|----|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|-----------------|-----------------------|
|    |                           |                                                                                                                                                                                                                                                           |     |    | Đạt             | Không đạt             |
| 1  | Động cơ 3kW               | YVP100L2-4; 3kW, 3 pha 380V, 6.8A; mô men xoắn 19.1N.m; IP54                                                                                                                                                                                              | Cái | 2  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 2  | Động cơ 75KW              | Y280S-4, 75KW 100HP, 1480RPM, IP55                                                                                                                                                                                                                        | Cái | 3  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 3  | Động cơ 0,75 kw + đầu bơm | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 131C hoặc tương đương, lưu lượng: 2,9 l/phút                                                                                                                   | Cái | 1  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 4  | Động cơ 0.75kw + đầu bơm  | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 160C hoặc tương đương Lưu lượng: 5,2 l/phút                                                                                                                    | Bộ  | 1  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 5  | Động cơ 2,2kW + đầu bơm   | Động cơ Toshiba IK FCKLAW21; Frame 112M-6 F S1; 2,2 kW; IP55; IC411; Standard JEC-2137-2000 hoặc của các hãng khác tương đương. Bơm dầu nhãn hiệu: YPD1- 2.52.5A2D2; Capacity: 2.1L/Min x 2, Press: 18.62 MPa (theo mẫu thực tế và tài liệu hãng Loesche) | Bộ  | 5  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 6  | Động cơ 3 pha             | Động cơ 3 pha TOSHIBA IK FCKLAW21 -F-S1-112M-6 poles                                                                                                                                                                                                      | Bộ  | 1  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 7  | Động cơ nạp xi 5,5kW      | Động cơ nạp xi Type: Y132S-4; công suất: 5,5 Kw, tốc độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                                                                                  | Cái | 1  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 8  | Động cơ nạp xi 4 Kw       | Động cơ nạp xi Type: 1LA7113-4AA60; công suất: 4 Kw, tốc độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                                                                              | Cái | 8  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 9  | Động cơ 90kW              | Kiểu: Y280M-4, 3 pha 90KW, 1480v/ph                                                                                                                                                                                                                       | Bộ  | 4  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 10 | Động cơ + giảm tốc        | Động cơ: Kiểu Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p.<br>HGT: TYPE: BWY18-29-1.5KW<br>Tỷ số truyền 29<br>Tốc độ đầu vào 1390r/min<br>Công suất: 1.5KW<br>made in China; Products code A-5143                                                                    | Cái | 5  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |
| 11 | Động cơ 3 pha 55kW        | Động cơ: kiểu: Y250M-4                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 1  | Đáp ứng yêu cầu | Không đáp ứng yêu cầu |



| TT | Tên vật tư, hàng hóa       | Thông số kỹ thuật                                                                                 | Đvt | SL | Mức độ đáp ứng     |                          |
|----|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|--------------------|--------------------------|
|    |                            |                                                                                                   |     |    | Đạt<br>cầu         | Không đạt<br>cầu         |
|    |                            | Cs: 55 KW, tốc độ: 1480v/ph                                                                       |     |    |                    |                          |
| 12 | Động cơ rung               | Kiểu : YZS - 5 - 4<br>CS: 0.25 KW, Tốc độ: 1500v/ph.                                              | Cái | 2  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 13 | Quạt làm mát động cơ G80   | G80A, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 850M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa  | Cái | 2  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 14 | Quạt làm mát động cơ G90   | G90A, điện áp 380V, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 500M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa        | Cái | 1  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 15 | Quạt làm mát động cơ G100A | G100A, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 850M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa | Cái | 2  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 16 | Quạt làm mát động cơ G132B | G132B, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 55W, lưu lượng gió 880M3/h; 1450r/min; áp lực gió 70Pa | Bộ  | 1  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 17 | Quạt làm mát động cơ G152A | G152A, điện áp 380V, 50Hz; công suất 40W, lưu lượng gió 780M3/h; 1300r/min;                       | Bộ  | 1  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 18 | Quạt làm mát động cơ G160A | Quạt làm mát động cơ G160A                                                                        | Bộ  | 4  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 19 | Quạt làm mát động cơ G225A | Quạt làm mát động cơ G225A                                                                        | Cái | 2  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 20 | Quạt làm mát động cơ       | G280A, 380V 3 pha, 50Hz                                                                           | Bộ  | 8  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 21 | Quạt làm mát               | MR20060- AC; 220V 50/60 HZ; 0.45A;                                                                | Bộ  | 5  | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |
| 22 | Bơm chân không 125 W       | Bơm chân không 125 W                                                                              | Bộ  | 55 | Đáp ứng yêu<br>cầu | Không đáp ứng yêu<br>cầu |



| TT | Tên vật tư, hàng hóa | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đvt | SL | Mức độ đáp ứng                         |                                                  |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|----------------------------------------|--------------------------------------------------|
|    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |    | Đạt                                    | Không đạt                                        |
|    |                      | <b>Điều kiện nghiệm thu:</b><br>- Hàng hóa mới 100%, đúng quy cách, đúng thông số kỹ thuật, hãng, xuất xứ; Được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật của Nhà sản xuất.<br>- Có kèm theo bản chính hoặc bản sao y giấy chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng (CO ; CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng đối với hàng hóa có sẵn trong nước. |     |    | Có cam kết đáp ứng yêu cầu             | Không có cam kết hoặc không cam kết theo yêu cầu |
|    |                      | <b>Thời gian thực hiện:</b><br>Từ 4 đến 6 tuần kể từ ngày Bên A có công văn đặt hàng (không kể ngày nghỉ lễ, tết)                                                                                                                                                                                                                                                          |     |    | Có cam kết đáp ứng yêu cầu             | Không có cam kết hoặc không cam kết theo yêu cầu |
|    |                      | <b>Thời gian bảo hành:</b><br>- Bảo hành 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |    |                                        |                                                  |
|    |                      | <b><u>Đáp ứng</u></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |    | Đạt tất cả các nội dung nêu trên       |                                                  |
|    |                      | <b><u>Không đáp ứng</u></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |    | Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên |                                                  |

**ĐƠN CHÀO GIÁ**

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ.

Tên phương án mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị đo lường; Mua sắm thiết bị điện tử, van điện tử; Mua sắm vật tư camera chịu nhiệt; Mua sắm vật tư động cơ; Mua sắm vật tư áp tô mát, công tắc tơ.

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Điền tên đầy đủ của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh rút gọn mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói mua sắm : Mua sắm vật tư động cơ theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh thông thường với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng từ 4 đến 6 tuần kể từ ngày Bên A có công văn đặt hàng (không kể ngày nghỉ lễ, tết). Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong chào giá khi tham dự gói cung cấp này (1).

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp Thư chào giá.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(1) Các hành vi bị cấm trong chào giá được Bên mời chào giá quy định và được đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao tại mục Mua sắm => Văn bản hướng dẫn

## BIỂU BÁO GIÁ CHI TIẾT

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ     | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                            | Hãng/ xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----|----|----------------|-------------------|
| 1   | Động cơ 3kW               | YVP100L2-4; 3kW, 3 pha 380V, 6.8A; mô men xoắn 19.1N.m; IP54                                                                                                                                                                                                 | ASIA          | Bộ  | 1  |                |                   |
| 2   | Động cơ 75KW              | Y280S-4, 75KW 100HP, 1480RPM, IP55                                                                                                                                                                                                                           | China         | Bộ  | 1  |                |                   |
| 3   | Động cơ 0,75 kw + đầu bơm | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 131C hoặc tương đương, lưu lượng: 2,9 l/phút                                                                                                                      | ABB           | bộ  | 1  |                |                   |
| 4   | Động cơ 0.75kw + đầu bơm  | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 160C hoặc tương đương<br>Lưu lượng: 5,2 l/phút                                                                                                                    | ABB           | bộ  | 1  |                |                   |
| 5   | Động cơ 2,2kW + đầu bơm   | Động cơ Toshiba IK FCKLAW21; Frame 112M-6 F S1; 2,2 kW; IP55; IC411; Standard JEC-2137-2000 hoặc của các hãng khác tương đương.<br>Bơm dầu nhãn hiệu: YPD1- 2.52.5A2D2; Capacity: 2.1L/Min x 2, Press: 18.62 MPa (theo mẫu thực tế và tài liệu hãng Loesche) | Toshiba       | Bộ  | 1  |                |                   |
| 6   | Động cơ 3 pha             | Động cơ 3 pha TOSHIBA IK FCKLAW21 -F-S1- 112M-6 poles                                                                                                                                                                                                        | Toshiba       | Cái | 1  |                |                   |
| 7   | Động cơ nạp xi 5,5kW      | Động cơ nạp xi Type: Y132S-4; công suất: 5,5 Kw, tốc độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                                                                                     | China         | Bộ  | 4  |                |                   |
| 8   | Động cơ nạp xi 4 Kw       | Động cơ nạp xi Type: 1LA7113-4AA60;                                                                                                                                                                                                                          | Siemens       | Bộ  | 4  |                |                   |



| STT | Tên hàng hóa,<br>dịch vụ   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                         | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|-------------------|----------------------|
|     |                            | công suất: 4 Kw, tốc độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                                                  |                  |     |    |                   |                      |
| 9   | Động cơ 90kW               | Kiểu: Y280M-4, 3 pha 90KW, 1480v/ph                                                                                                                                                       | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 10  | Động cơ + giảm tốc         | Động cơ: Kiểu Y90L-4; p=1.5Kw, tốc độ 1390 v/p.<br>HGT: TYPE: BWY18-29-1.5KW<br>Tỷ số truyền 29<br>Tốc độ đầu vào 1390r/min<br>Công suất: 1.5KW<br>made in China;<br>Products code A-5143 | China            | Bộ  | 1  |                   |                      |
| 11  | Động cơ 3 pha 55kW         | Động cơ: kiểu: Y250M-4<br>Cs: 55 KW, tốc độ: 1480v/ph                                                                                                                                     | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 12  | Động cơ rung               | Kiểu : YZS - 5 - 4<br>CS: 0.25 KW, Tốc độ: 1500v/ph.                                                                                                                                      | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 13  | Quạt làm mát động cơ G80   | G80A, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 850M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                          | China            | Cái | 12 |                   |                      |
| 14  | Quạt làm mát động cơ G90   | G90A, điện áp 380V, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 500M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                                | China            | Cái | 4  |                   |                      |
| 15  | Quạt làm mát động cơ G100A | G100A, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 42W, lưu lượng gió 850M3/h; 1450r/min; áp lực gió 60Pa                                                                                         | China            | Cái | 4  |                   |                      |
| 16  | Quạt làm mát động cơ G132B | G132B, điện áp 380V 3 pha, 50Hz; công suất 55W, lưu lượng gió 880M3/h; 1450r/min; áp lực gió 70Pa                                                                                         | China            | Cái | 6  |                   |                      |
| 17  | Quạt làm mát động cơ G152A | G152A, điện áp 380V, 50Hz; công suất 40W, lưu lượng gió 780M3/h; 1300r/min;                                                                                                               | China            | Cái | 1  |                   |                      |

| STT | Tên hàng hóa,<br>dịch vụ           | Thông số kỹ thuật                     | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-----|----|-------------------|----------------------|
| 18  | Quạt làm mát<br>động cơ G160A      | Quạt làm mát động cơ<br>G160A         |                  | Cái | 1  |                   |                      |
| 19  | Quạt làm mát<br>động cơ G225A      | Quạt làm mát động cơ<br>G225A         |                  | Cái | 1  |                   |                      |
| 20  | Quạt làm mát<br>động cơ            | G280A, 380V 3 pha,<br>50Hz            | China            | Cái | 2  |                   |                      |
| 21  | Quạt làm mát                       | MR20060- AC; 220V<br>50/60 HZ; 0.45A; | ORIEN<br>TAL     | Cái | 8  |                   |                      |
| 22  | Bơm chân không<br>125 W            | Bơm chân không 125<br>W               | ASIA             | Cái | 1  |                   |                      |
| A   | <b>Tổng giá trị trước thuế</b>     |                                       |                  |     |    |                   |                      |
| B   | Thuế VAT (10%)                     |                                       |                  |     |    |                   |                      |
| C   | <b>Tổng giá trị sau thuế (A+B)</b> |                                       |                  |     |    |                   |                      |

**Ghi chú:**

- Yêu cầu Nhà cung cấp ghi rõ xuất xứ của danh mục hàng cung cấp, không ghi xuất xứ là Asia
- Nêu rõ tiến độ cấp hàng, thời gian bảo hành, hình thức thanh toán.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: Mua sắm vật tư động cơ.

Tên phương án mua sắm: Mua sắm vật tư thiết bị đo lường; Mua sắm thiết bị điện tử, van điện từ; Mua sắm vật tư camera chịu nhiệt; Mua sắm vật tư động cơ; Mua sắm vật tư áp tô mát, công tắc tơ.

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện cung cấp đầy đủ thiết bị vật tư theo danh mục đã chào giá, đảm bảo các điều kiện về nghiệm thu, tiến độ thực hiện theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh rút gọn và dự thảo Hợp đồng.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**HỢP ĐỒNG DO NHÀ CUNG CẤP ĐÃ THỰC HIỆN CUNG CẤP VẬT TƯ  
THIẾT BỊ ĐIỆN HOẶC BẢO DƯỠNG ĐỘNG CƠ CHO NHÀ MÁY XI MĂNG**

Tên Nhà cung cấp: ..... (ghi đầy đủ tên Nhà cung cấp)

Thông tin về từng Hợp đồng, mỗi Hợp đồng cần đảm bảo cá thông tin sau đây:

|                                              |                                                                                                   |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên và số Hợp đồng                           | (Ghi đầy đủ của Hợp đồng, số, ký hiệu...)                                                         |
| Ngày ký Hợp đồng                             | (Ghi ngày, tháng, năm)                                                                            |
| Ngày hoàn thành                              | (Ghi ngày, tháng, năm)                                                                            |
| Giá Hợp đồng                                 | (Ghi tổng giá trị Hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký)                                       |
| Tên dự án                                    | (Ghi đầy đủ tên dự án của Hợp đồng đang kê khai)                                                  |
| Tên Chủ đầu tư                               | (Ghi đầy đủ tên Chủ đầu tư của Hợp đồng đang kê khai)                                             |
| Địa chỉ:                                     | Ghi đầy đủ địa chỉ (gồm địa chỉ, số điện thoại, fax, Email) Chủ đầu tư của Hợp đồng đang kê khai) |
| Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm |                                                                                                   |
| 1. Loại hàng hóa                             | (Ghi thông tin phù hợp)                                                                           |
| 2. Về giá trị                                | (Ghi số tiền bằng VNĐ)                                                                            |
| 3. Về quy mô thực hiện                       | (Ghi quy mô theo Hợp đồng)                                                                        |
| 4. Các đặc tính khác                         | Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết)                                                              |

**Ghi chú:** Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp hoặc phô tô các văn bản tài liệu liên quan đến các Hợp đồng đó (tài liệu chứng minh Hợp đồng đã thực hiện).

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP<sup>(1)</sup>**

Tên nhà cung cấp: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Số liệu tài chính cho năm gần nhất <sup>(2)</sup> [VND]

Năm: \_\_\_\_\_

**Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**  
**Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| Tổng doanh thu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |  |  |
| <p>Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho năm gần nhất<sup>(4)</sup>, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.</li> <li>2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.</li> <li>3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.</li> </ol> <p>- Các tài liệu khác.</p> |  |  |  |

## Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: /2020/HĐKT

V/v mua sắm vật tư động cơ

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015; Căn cứ Bộ luật Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH 11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số .....của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp phần việc: Mua sắm vật tư động cơ;

Căn cứ Biên bản thương thảo ký ngày ...../04/2020 giữa Hai Bên;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày ...../4/2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

#### **I. BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3884927 Fax: 0210.3884.929

Tài khoản : 115000040144

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đền Hùng

Mã số thuế : 2600279082

#### **II. BÊN B :**

Đại diện : Chức vụ:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng :

### **HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:**

#### **Điều 1. Nội dung, giá trị Hợp đồng:**

**1.1. Nội dung Hợp đồng:** Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý thực hiện cung cấp vật tư động cơ;



## 1.2. Giá trị Hợp đồng: ..... đồng

Bảng chữ: .....

**Bảng chi tiết danh mục, giá trị Hợp đồng:**

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ     | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                            | Hãng/ xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----|----|----------------|-------------------|
| 1   | Động cơ 3kW               | YVP100L2-4; 3kW, 3 pha 380V, 6.8A; mô men xoắn 19.1N.m; IP54                                                                                                                                                                                                 | ASIA          | Bộ  | 1  |                |                   |
| 2   | Động cơ 75KW              | Y280S-4, 75KW 100HP, 1480RPM, IP55                                                                                                                                                                                                                           | China         | Bộ  | 1  |                |                   |
| 3   | Động cơ 0,75 kw + đầu bơm | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 131C hoặc tương đương, lưu lượng: 2,9 l/phút                                                                                                                      | ABB           | bộ  | 1  |                |                   |
| 4   | Động cơ 0.75kw + đầu bơm  | Động cơ: ABB M3AA090 S-6; 3GAA093001-ASE.009; 0,75kw 380v 1000 v/p IP55<br>Đầu bơm: MLPG/G 160C hoặc tương đương<br>Lưu lượng: 5,2 l/phút                                                                                                                    | ABB           | bộ  | 1  |                |                   |
| 5   | Động cơ 2,2kW + đầu bơm   | Động cơ Toshiba IK FCKLAW21; Frame 112M-6 F S1; 2,2 kW; IP55; IC411; Standard JEC-2137-2000 hoặc của các hãng khác tương đương.<br>Bơm dầu nhãn hiệu: YPD1- 2.52.5A2D2; Capacity: 2.1L/Min x 2, Press: 18.62 MPa (theo mẫu thực tế và tài liệu hãng Loesche) | Toshiba       | Bộ  | 1  |                |                   |
| 6   | Động cơ 3 pha             | Động cơ 3 pha TOSHIBA IK FCKLAW21 -F-S1- 112M-6 poles                                                                                                                                                                                                        | Toshiba       | Cái | 1  |                |                   |
| 7   | Động cơ nạp xi 5,5kW      | Động cơ nạp xi Type: Y132S-4; công suất: 5,5 Kw, tốc độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                                                                                     | China         | Bộ  | 4  |                |                   |

| STT | Tên hàng hóa,<br>dịch vụ      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                       | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|----|-------------------|----------------------|
| 8   | Động cơ nạp xi<br>4 Kw        | Động cơ nạp xi Type:<br>1LA7113-4AA60;<br>công suất: 4 Kw, tốc<br>độ 1440 v/p, IP=54;                                                                                                                   | Siemens          | Bộ  | 4  |                   |                      |
| 9   | Động cơ 90kW                  | Kiểu: Y280M-4, 3 pha<br>90KW, 1480v/ph                                                                                                                                                                  | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 10  | Động cơ + giảm<br>tốc         | Động cơ: Kiểu Y90L-<br>4; p=1.5Kw, tốc độ<br>1390 v/p.<br>HGT: TYPE: BWY18-<br>29-1.5KW<br>Tỷ số truyền 29<br>Tốc độ đầu vào<br>1390r/min<br>Công suất: 1.5KW<br>made in China;<br>Products code A-5143 | China            | Bộ  | 1  |                   |                      |
| 11  | Động cơ 3 pha<br>55kW         | Động cơ: kiểu:<br>Y250M-4<br>Cs: 55 KW, tốc độ:<br>1480v/ph                                                                                                                                             | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 12  | Động cơ rung                  | Kiểu : YZS - 5 - 4<br>CS: 0.25 KW, Tốc độ:<br>1500v/ph.                                                                                                                                                 | China            | Cái | 1  |                   |                      |
| 13  | Quạt làm mát<br>động cơ G80   | G80A, điện áp 380V 3<br>pha, 50Hz; công suất<br>42W, lưu lượng gió<br>850M3/h; 1450r/min;<br>áp lực gió 60Pa                                                                                            | China            | Cái | 12 |                   |                      |
| 14  | Quạt làm mát<br>động cơ G90   | G90A, điện áp 380V,<br>50Hz; công suất 42W,<br>lưu lượng gió<br>500M3/h; 1450r/min;<br>áp lực gió 60Pa                                                                                                  | China            | Cái | 4  |                   |                      |
| 15  | Quạt làm mát<br>động cơ G100A | G100A, điện áp 380V<br>3 pha, 50Hz; công suất<br>42W, lưu lượng gió<br>850M3/h; 1450r/min;<br>áp lực gió 60Pa                                                                                           | China            | Cái | 4  |                   |                      |
| 16  | Quạt làm mát<br>động cơ G132B | G132B, điện áp 380V<br>3 pha, 50Hz; công suất<br>55W, lưu lượng gió<br>880M3/h; 1450r/min;<br>áp lực gió 70Pa                                                                                           | China            | Cái | 6  |                   |                      |
| 17  | Quạt làm mát<br>động cơ G152A | G152A, điện áp 380V,<br>50Hz; công suất 40W,<br>lưu lượng gió                                                                                                                                           | China            | Cái | 1  |                   |                      |

| STT | Tên hàng hóa,<br>dịch vụ           | Thông số kỹ thuật                     | Hãng/<br>xuất xứ | Đvt | SL | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-----|----|-------------------|----------------------|
| 18  | Quạt làm mát<br>động cơ G160A      | Quạt làm mát động cơ<br>G160A         |                  | Cái | 1  |                   |                      |
| 19  | Quạt làm mát<br>động cơ G225A      | Quạt làm mát động cơ<br>G225A         |                  | Cái | 1  |                   |                      |
| 20  | Quạt làm mát<br>động cơ            | G280A, 380V 3 pha,<br>50Hz            | China            | Cái | 2  |                   |                      |
| 21  | Quạt làm mát                       | MR20060- AC; 220V<br>50/60 HZ; 0.45A; | ORIEN<br>TAL     | Cái | 8  |                   |                      |
| 22  | Bơm chân không<br>125 W            | Bơm chân không 125<br>W               | ASIA             | Cái | 1  |                   |                      |
| A   | <b>Tổng giá trị trước thuế</b>     |                                       |                  |     |    |                   |                      |
| B   | Thuế VAT (10%)                     |                                       |                  |     |    |                   |                      |
| C   | <b>Tổng giá trị sau thuế (A+B)</b> |                                       |                  |     |    |                   |                      |

(Ghi chú: Nhà cung cấp ghi rõ xuất xứ sản phẩm, không ghi xuất xứ Asian.)

**1.3.** Giá trên đã bao gồm: Thuế VAT 10% và các chi phí khác liên quan.

**1.4. Loại Hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định.

## **Điều 2. Chất lượng và điều kiện nghiệm thu:**

### **2.1. Chất lượng:**

- Hàng hóa mới 100%, đúng quy cách, đúng thông số kỹ thuật, hãng, xuất xứ được quy định tại Điều 1; Được đóng gói, bảo quản đúng yêu cầu kỹ thuật của Nhà sản xuất.

- Có kèm theo bản chính hoặc bản sao y giấy chứng nhận xuất xứ và chứng nhận chất lượng (CO ; CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng đối với hàng hóa có sẵn trong nước.

### **2.2. Điều kiện nghiệm thu:**

a. Trường hợp Bên B thực hiện đảm bảo yêu cầu tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên sẽ tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

b. Trường hợp Bên B thực hiện công việc cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc đảm bảo chất lượng trong thời gian không quá 05 ngày làm việc. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc Bên B chịu.

## **Điều 3. Thời gian thực hiện, địa điểm giao nhận:**

**3.1. Thời gian thực hiện:** Từ 4 đến 6 tuần kể từ ngày Bên A có công văn đặt hàng (không kể ngày nghỉ lễ, tết)

**3.2. Địa điểm giao hàng:** Tại kho của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, trên phương tiện vận tải của Bên B.

## **Điều 4. Phương thức thanh quyết toán, thanh lý Hợp đồng:**

✓



**4.1. Tạm ứng Hợp đồng:** Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng kinh tế có hiệu lực. Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, khi Bên A nhận được Giấy bảo lãnh tạm ứng của Ngân hàng có giá trị bằng số tiền Bên B được tạm ứng, có hiệu lực theo thời gian thực hiện Hợp đồng.

**4.2. Quyết toán Hợp đồng:**

Trên cơ sở biên bản nghiệm thu hàng hóa được A-B ký, Hai Bên tiến hành lập hồ sơ quyết toán Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B, hóa đơn GTGT theo quy định. Bên A sẽ thanh toán 65% giá trị quyết toán cho Bên B và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành (trường hợp Bên A đã tạm ứng 30%) hoặc Bên A sẽ thanh toán 95% giá trị quyết toán cho Bên B và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành (trường hợp không tạm ứng) hoặc Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán khi Bên B cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán và có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

**4.3. Thanh lý Hợp đồng:**

Hợp đồng tự động được thanh lý sau khi Hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình và không còn vướng mắc gì.

**4.4. Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản.

**4.5. Đồng tiền thanh toán:** VNĐ.

**Điều 5. Trách nhiệm của Các Bên:**

**5.1. Trách nhiệm của Bên A:**

- a. Bàn giao thiết bị cần kiểm định và cung cấp các thông tin cần thiết để Bên B tiến hành công việc thuộc phạm vi Hợp đồng này.
- b. Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng, cùng Bên B giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- c. Cùng với Bên B nghiệm thu công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.
- d. Thanh toán cho Bên B đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

**5.2. Trách nhiệm của Bên B:**

- a. Thực hiện công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.
- b. Kết hợp cùng với cán bộ kỹ thuật Bên A để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ.
- c. Cung cấp hoá đơn GTGT theo quy định của Bộ tài chính và các giấy tờ liên quan khác cho Bên A.

**Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng:**

**6.1.** Trường hợp Bên B thực hiện cấp hàng chậm theo tiến độ cam kết sẽ phải chịu phạt 2% giá trị Hợp đồng /01 ngày thực hiện chậm và thời gian chậm không quá 05 ngày. Nếu thời gian chậm quá 05 ngày Bên A có quyền hủy Hợp đồng và đồng thời Bên B phải chịu phạt 5% giá trị hàng hóa giao chậm.

**6.2.** Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt

Nam - Chi nhánh Phú Thọ trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

**Điều 7: Bảo hành:**

**7.1.** Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.

**7.2.** Trong thời gian bảo hành, Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa các lỗi được phát hiện là hỏng do công tác sửa chữa trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A.

**7.3.** Nếu sau 48 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của Bên A mà Bên B không thực hiện công tác bảo hành thì Bên A tự khắc phục hoặc thay mới hàng hóa. Khi đó mọi chi phí để khắc phục hoặc thay mới hàng hóa nêu trên, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

**7.4.** Các dịch vụ bảo hành không được áp dụng cho các hỏng hóc do lỗi thuộc về Bên A như: lưu kho, vận hành, thao tác không đúng quy cách và các trường hợp bất khả kháng hoặc do lỗi cố ý khác.

**Điều 8. Bất khả kháng:**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai, dịch họa,.... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên và việc kéo dài này sẽ không áp dụng điều khoản phạt Hợp đồng do chậm tiến độ như qui định tại Điều 6.

**Điều 9. Cam kết chung:**

**9.1.** Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng này. Mọi vướng mắc tranh chấp (nếu có) sẽ giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương thuyết không thành Hai Bên thống nhất đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế để giải quyết. Phán quyết của tòa buộc Hai Bên phải chấp hành, án phí do Bên có lỗi chịu.

**9.2.** Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay huỷ bỏ Hợp đồng.

**9.3.** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập làm 06 bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 04 bản; Bên B giữ 02 bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

---

**Nguyễn Quang Huy**  
Tổng giám đốc